

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH TÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS – ST

Ngày: 19/02/2024

V/v ‘Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản’

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu
- Các Hội thẩm nhân dân:
  - 1. Ông Trừ Trung Tín
  - 2. Ông Trương Văn Ánh
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2023/TLST – DS ngày 19/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST – DS, ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Phan Thị Á, sinh năm 1976 (có mặt)

Cư trú: Tổ I, ấp H, xã N, huyện B, Vĩnh Long.

\* Bị đơn: 1/Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1977 (có mặt)

Cư trú: khóm Đ, phường Đ, thị xã B, Vĩnh Long

2/Anh Nguyễn Văn Vũ E, sinh năm 1975 (có mặt)

Cư trú: Tổ B, ấp H, xã N, B, Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và bản khai cùng ngày 19/10/2023 nguyên đơn chị Phan Thị Á trình bày:

Vào ngày 26/01/2023 âm lịch tức ngày 16/02/2023 dương lịch thì anh Nguyễn Văn Vũ E có điện thoại cho chị Á đề hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Q. Khi đó chị nói với anh Vũ E là chị không biết Q là ai và địa chỉ ở đâu nên chị không đồng ý cho vay, khi đó thì anh Vũ E nói là vậy thì anh Vũ E sẽ bảo lãnh cho Q nếu Q không trả thì anh Vũ E sẽ trả. Thấy anh Vũ E năng nài quá nên chị nói với anh Vũ E là chị sẽ cho vay với điều kiện là nếu Q không trả thì anh Vũ E phải trả số tiền vay lại cho chị và anh Vũ E đồng ý.

Nên chị Á đồng ý cho Q vay 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay là khi nào chị cần sử dụng tiền thì anh Vũ E và Q trả lại cho chị.

Đến ngày 13/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau vì nhuận 02 tháng 02) tức ngày 03/3/2023 dương lịch thì anh Nguyễn Văn Vũ E lại tiếp tục điện thoại cho chị để hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Q. Anh Vũ E cũng nói là sẽ bảo lãnh cho Q nếu Q không trả thì anh Vũ E phải trả số tiền vay lại cho chị. Nên chị đồng ý cho Q vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay là khi nào chị cần sử dụng tiền thì anh Vũ E và Q trả lại cho chị.

Cả 02 lần vay thì tiền chị Á giao cho anh Nguyễn Văn Vũ E và Nguyễn Thị Q. Đến hạn đóng lãi thì anh Nguyễn Văn Vũ E cũng là người đóng lãi cho chị.

Qua 02 lần vay trên thì chị Á có lập biên nhận và chị Q có ký tên vào biên nhận, anh Vũ E ký tên người bảo lãnh.

Tổng cộng chị Á cho anh Nguyễn Văn Vũ E, chị Nguyễn Thị Q vay 02 lần là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Theo biên nhận ngày 26/01/2023 âm lịch tức ngày 16/02/2023 dương lịch thì từ khi vay thì anh Vũ E đóng lãi cho chị đến hết ngày 16/4/2023 dương lịch là 02 tháng. Từ ngày 17/4/2023 dương lịch đến nay thì anh Vũ E, chị Q không có đóng lãi cho chị.

Theo biên nhận ngày 13/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau vì nhuận 02 tháng 02) tức ngày 03/3/2023 dương lịch thì từ khi vay thì anh Vũ E đóng lãi cho chị đến hết ngày 03/4/2023 dương lịch là 01 tháng. Từ ngày 04/4/2023 dương lịch đến nay thì anh Vũ E, chị Q không có đóng lãi cho chị.

Nay chị Phan Thị Á yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

Buộc anh Nguyễn Văn Vũ E và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho chị Phan Thị Á số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra tôi không còn yêu cầu nào khác.

\* Bị đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Vào ngày 26/01/2023 âm lịch do chị kẹt vốn nên chị có nói với anh Nguyễn Văn Vũ E hỏi vay dùm chị số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Nên từ đó anh Vũ E mới nói với chị Phan Thị Á ở xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cho chị vay số tiền 150.000.000 đồng, khi đó chị Á nói với anh Vũ E là không biết chị, nếu anh Vũ E ký bảo lãnh cho chị thì chị Á cho chị vay vì chị Á không biết chị là ai mà chỉ quen anh Vũ E, thấy vậy anh Vũ E mới đồng ý ký bảo lãnh cho chị để vay của chị Á số tiền 150.000.000 đồng. Cùng ngày thì chị Á cho chị vay số tiền 150.000.000 và có làm biên nhận và ký tên vào biên nhận, anh Vũ E ký bảo lãnh. Chị Á giao tiền tại nhà chị Á giao tiền cho chị nhận có mặt anh Nguyễn Văn Vũ E làm chứng, trong biên nhận là không ghi phần lãi nhưng lãi thỏa thuận ngoài giữa chị và chị Á là 10%/01 tháng.

Đến ngày 13/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau vì nhuận 02 tháng 02) chị tiếp tục nói với anh Nguyễn Văn Vũ E hỏi chị Á vay dùm chị số tiền 150.000.000 đồng.

Nên từ đó anh Vũ E mới nói với chị Phan Thị Á cho chị vay số tiền 150.000.000 đồng, khi đó chị Á nói với anh Vũ E là không biết chị, nếu anh Vũ E ký bảo lãnh cho chị thì chị Á cho chị vay vì chị Á không biết chị là ai mà chỉ quen anh Vũ E, thấy vậy anh Vũ E mới đồng ý ký bảo lãnh cho chị để vay của chị Á số tiền 150.000.000 đồng. Cùng ngày thì chị Á cho chị vay số tiền 150.000.000 và có làm biên nhận và ký tên vào biên nhận, anh Vũ E ký bảo lãnh. Chị Á giao tiền cho chị tại nhà chị Á và chị nhận có mặt anh Nguyễn Văn Vũ E làm chứng, trong biên nhận là không ghi phần lãi nhưng lãi thỏa thuận ngoài giữa tôi và chị Á là 10%/01 tháng. 02 Biên nhận ngày 26/01/2023 âm lịch và nhận ngày 13/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau vì nhuận 02 tháng 02) thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay.

Khi đến hạn trả lại tiền cho chị Á thì chị chưa có tiền nên chị có nói với anh Vũ E là nói với chị Á dùm chị là xin trả vốn trộm lại tí vì chưa xoay tiền kịp, anh Vũ E mới nói với chị là thì cứ để đó rồi đóng lãi bình thường thôi.

Từ khi vay chị đóng lãi cho chị Á được đến ngày 05/2023 âm lịch:

Biên nhận ngày 26/01/2023 âm lịch chị gửi tiền cho anh Vũ E đóng lãi cho chị Á dùm chị mỗi tháng 15.000.000 đồng, chị đóng lãi đến tháng 05/2023 được 04 lần là 60.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 13/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau vì nhuận 02 tháng 02) chị gửi tiền cho anh Vũ E đóng lãi cho chị Á dùm chị mỗi tháng 15.000.000 đồng, chị đóng lãi đến tháng 05/2023 được 03 lần là 45.000.000 đồng.

Khi đóng lãi tháng 05 xong thì chị có đến nhà chị Á để xin dừng đóng lãi và cho thời gian trộm trả vốn và chị Á đồng ý.

Nay chị Phan Thị Á yêu cầu chị và anh Nguyễn Văn Vũ E trả cho chị Á số tiền 300.000.000 đồng thì chị không đồng ý vì anh Vũ E hỏi vay tiền dùm chị. Nay chị Q đồng ý trả cho chị Á số tiền 300.000.000 đồng trăm (ba trăm triệu đồng) và không đồng ý trả lãi vì hiện tại chị rất khó khăn và cũng đã có xin lãi của chị Á.

\* Bị đơn Nguyễn Văn Vũ E trình bày:

Anh Nguyễn Văn Vũ E thừa nhận chị Q có vay của chị Á 2 lần số tiền 300.000.000 đồng còn ngày vay thì không nhớ. Chị Q có đóng lãi đến ngày chị Á bị Tạm giam. Q có gửi tiền đóng lãi tiếp nhưng anh không có đóng lãi được, đến khi chị Á tại ngoại thì anh đem số tiền 30.000.000 đồng để đóng lãi thì chị Á nhận 20.000.000 đồng, chị Á bớt 10.000.000 đồng. Anh lấy 10.000.000 đồng này đóng lãi cho Q vay nợ chỗ khác.

Trong 2 biên nhận vay tiền của chị Q thì anh có ký tên người bảo lãnh nghĩa là anh bảo lãnh là bảo lãnh biết nhà của Q, không bảo lãnh việc chị Q không trả tiền thì anh sẽ trả tiền cho chị Á. Trách nhiệm của chị Q phải trả tiền cho chị Á. Lúc chị Á giao tiền cho chị Q nhận tiền thì có mặt anh thì anh có ký tên vào tờ biên nhận vay là người bảo L.

Anh xác định là bảo lãnh biết nhà chị Q. không bảo lãnh việc chị Q không trả tiền thì tôi sẽ trả tiền cho chị Á.

Nay chị Phan Thị Á yêu cầu anh là anh Nguyễn Văn Vũ E và chị Q trả cho chị Á số tiền 300.000.000 đồng thì anh không đồng ý.

\*Tại phiên toà hôm nay:

\*Chị Á trình bày như đơn khởi kiện và yêu cầu:

Buộc anh Nguyễn Văn Vũ E và chị Nguyễn Thị Q phải trả cho chị Phan Thị Á số tiền là 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Nếu chị Nguyễn Thị Q không trả số tiền là 300.000.000 đồng cho chị Phan Thị Á thì buộc anh Nguyễn Văn Vũ E phải trả số tiền 300.000.000 đồng cho chị Phan Thị Á.

\*Chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Nay chị Phan Thị Á yêu cầu chị Q và anh Nguyễn Văn Vũ E trả cho chị Á số tiền 300.000.000 đồng thì chị không đồng ý vì anh Vũ E hỏi vay tiền dùm cho chị. Nay chị Q đồng ý trả cho chị Á số tiền 300.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi vì hiện tại chị rất khó khăn và đã có xin lãi của chị Á.

\* Anh Nguyễn Văn Vũ E trình bày:

Nay chị Phan Thị Á yêu cầu anh và chị Q trả cho chị Á số tiền 300.000.000 đồng thì anh không đồng ý. Vì Q vay tiền của chị Á thì Q phải trả cho chị Á.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp và pháp luật áp dụng giải quyết vụ án là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và phường Đ, thị xã B, Vĩnh Long, có mặt tại địa phương căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2]Về thủ tục tố tụng:

Từ khi giải quyết đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Á:

Chị Phan Thị Á cho rằng vào ngày 26/01/2023 âm lịch tức ngày 16/02/2023 dương lịch thì anh Nguyễn Văn Vũ E có điện thoại cho chị để hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Q. Đến ngày 13/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau vì nhuận 02 tháng 02) tức ngày 03/3/2023 dương lịch thì anh Nguyễn Văn Vũ E lại tiếp tục điện thoại cho chị để hỏi vay thêm số tiền 150.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Q. Qua 02 lần vay trên thì chị Á có lập biên nhận và chị Nguyễn Thị Q có ký tên người vay và anh Nguyễn Văn Vũ E ký tên người bảo lãnh. Tổng cộng chị Á cho anh Nguyễn Văn Vũ E, chị Nguyễn Thị Q vay 02 lần tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Theo biên nhận ngày 26/01/2023 âm lịch tức ngày 16/02/2023 dương lịch thì từ khi vay thì anh Vũ E đóng lãi cho chị đến hết ngày 16/4/2023 dương lịch là 02 tháng. Từ ngày 17/4/2023 dương lịch đến nay thì anh Vũ E, chị Q không có đóng lãi cho chị. Theo biên nhận ngày 13/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau

vì nhuần 02 tháng 02) tức ngày 03/3/2023 dương lịch thì từ khi vay thì anh Vũ E đóng lãi cho chị đến hết ngày 03/4/2023 dương lịch là 01 tháng. Từ ngày 04/4/2023 dương lịch đến nay thì anh Vũ E, chị Q không có đóng lãi cho chị. Chị Nguyễn Thị Q thừa nhận có vay 2 lần và nhận của chị Á tổng số tiền 300.000.000 đồng và chị có ký tên vào biên nhận vay tiền. Chị Q đồng ý trả số tiền trên cho chị Á. Anh Nguyễn Văn Vũ E thừa nhận có ký tên vào biên nhận vay tiền tư cách là người bảo lãnh. Đây là những tình tiết không phải chứng minh tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong biên nhận vay tiền giữa các bên không có thỏa thuận về thời hạn trả và lãi suất nên theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, theo đó bên cho vay có quyền đòi lại tài sản của mình bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý. Chị Á đã nhiều lần yêu cầu chị Q và anh Vũ E trả tiền gốc nhưng chị Q và anh Vũ E chỉ hứa trả mà không thực hiện nên chị Á đã khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu chị Q và anh Vũ E phải thanh toán số tiền trên cho chị. Như vậy, chị Á đã thực hiện đúng về quyền đòi lại tài sản của mình theo quy định của pháp luật và đến thời điểm hiện tại chị Q và anh Vũ E vẫn không trả bất kỳ khoản tiền nào cho chị Á nên chị Q và anh Vũ E đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Như vậy chị Q phải trả cho chị Á tổng số tiền 300.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp chị Q không trả nợ cho chị Á thì buộc anh Vũ E là người bảo lãnh phải có nghĩa vụ trả số tiền 300.000.000 đồng cho chị Á. Dành riêng cho anh Vũ E 1 vụ kiện dân sự khác khi anh Vũ E thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Á xong và anh Vũ E có quyền yêu cầu chị Q trả lại cho anh số tiền 300.000.000 đồng theo quy định tại Điều 335, 336, 339, 340, 342 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Á là có cơ sở, áp dụng Điều 335, 336, 339, 340, 342, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc chị Nguyễn Thị Q trả cho chị Phan Thị Á tổng số tiền 300.000.000 đồng. Trường hợp chị Nguyễn Thị Q không trả nợ cho chị Á thì buộc anh Nguyễn Văn Vũ E là người bảo lãnh phải có nghĩa vụ trả số tiền 300.000.000 đồng cho chị Phan Thị Á. Dành riêng cho anh Nguyễn Văn Vũ E 1 vụ kiện dân sự khác khi anh Nguyễn Văn Vũ E thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Phan Thị Á xong và anh Nguyễn Văn Vũ E có quyền yêu cầu chị Nguyễn Thị Q trả lại cho anh Nguyễn Văn Vũ E số tiền 300.000.000 đồng.

\*Xét về lãi: Chị Á cho rằng chị Nguyễn Thị Q1 và anh Nguyễn Văn Vũ E không đóng lãi theo biên nhận ngày 26/01/2023 âm lịch tức ngày 16/02/2023 dương lịch thì từ khi vay thì anh Vũ E đóng lãi cho chị đến hết ngày 16/4/2023 dương lịch là 02 tháng. Từ ngày 17/4/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/02/2024 thì anh Vũ E, chị Q1 không có đóng lãi cho chị. Theo biên nhận ngày 13/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau vì nhuần 02 tháng 02) tức ngày 03/3/2023 dương lịch thì từ khi vay thì anh Vũ E đóng lãi cho chị đến hết ngày 03/4/2023 dương lịch là 01 tháng. Từ ngày 04/4/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/02/2024 thì anh Vũ E, chị Q1 không có đóng lãi cho chị. Do đó chị Q1 và anh Vũ E đã vi phạm nghĩa vụ đóng lãi cho chị Á. Trong các biên nhận thì hai bên

không ghi lãi suất mà hai bên thoả thuận, không ghi ngày trả tiền nên không xác định được ngày mà vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó khi phát sinh tranh chấp thì xác định ngày chị Q1 và anh Vũ E vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày Toà án thụ lý đơn khởi kiện của chị Á là ngày 19/10/2023 thì chị Á yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất quy định là 10%/1năm tính từ ngày chị Q1 và anh Vũ E vi phạm nghĩa vụ từ 19/10/2023 dương lịch là ngày thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/02/2024 dương lịch và yêu cầu tính lãi chậm trả cho đến khi chị Q1 và anh Vũ E trả xong nợ. Lãi 10%/1năm tức là lãi suất 0,83%/1 tháng do đó Hội đồng xét xử tính lãi như sau:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/1\text{tháng} \times 4 \text{ tháng} = 9.960.000 \text{ đồng}$  (chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Xét yêu cầu của chị Phan Thị Á là có cơ sở nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Buộc chị Nguyễn Thị Q phải trả cho chị Phan Thị Á tổng số tiền lãi 9.960.000 đồng. Trường hợp chị Nguyễn Thị Q không trả lãi cho chị Phan Thị Á thì buộc anh Nguyễn Văn Vũ E phải trả số tiền 9.960.000 đồng cho chị Phan Thị Á. Dành riêng cho anh Nguyễn Văn Vũ E 1 vụ kiện dân sự khác khi anh Nguyễn Văn Vũ E thực hiện nghĩa vụ xong đối với chị Phan Thị Á xong và anh Nguyễn Văn Vũ E có quyền yêu cầu chị Nguyễn Thị Q trả lại cho anh số tiền lãi 9.960.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**\*Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Q:**

Chị Nguyễn Thị Q thừa nhận là có vay tiền của chị Phan Thị Á tổng cộng là 300.000.000đ. Biên nhận ngày 26/01/2023 âm lịch chị gửi tiền cho anh Vũ E đóng lãi cho chị Á dùm chị mỗi tháng 15.000.000 đồng, chị đóng lãi đến tháng 05/2023 được 04 lần là 60.000.000 đồng. Biên nhận ngày 13/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau vì nhuận 02 tháng 02) chị gửi tiền cho anh Vũ E đóng lãi cho chị Á dùm chị mỗi tháng 15.000.000 đồng, chị đóng lãi đến tháng 05/2023 được 03 là 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của chị Q thì chị Q không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh chị đã đóng lãi và chị Á cũng không thừa nhận có nhận tiền lãi của chị Q do đó lời trình bày của chị Q chưa có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

**\*Xét lời trình bày của anh Nguyễn Văn Vũ E:**

Anh Nguyễn Văn Vũ E thừa nhận anh có bảo lãnh cho chị Q vay của chị Á 2 lần số tiền 300.000.000 đồng còn ngày vay thì anh không nhớ. Chị Q có đóng lãi đến ngày chị Á bị Tạm giam. Q có gởi tiền đóng lãi tiếp nhưng anh không có đóng lãi được, đến khi chị Á tại ngoại thì anh đem số tiền 30.000.000 đồng để đóng lãi thì chị Á nhận 20.000.000 đồng, chị Á bớt 10.000.000 đồng. Anh lấy 10.000.000 đồng này đóng lãi cho Q vay nợ chỗ khác. Trong 2 biên nhận vay tiền của chị Q thì anh Vũ E có ký tên người bảo lãnh nghĩa là anh bảo lãnh biết nhà của Q, không bảo lãnh

việc chị Q không trả tiền thì anh sẽ trả tiền cho chị Á. Trách nhiệm của chị Q phải trả tiền cho chị Á. Lúc chị Á giao tiền cho chị Q nhận tiền thì có mặt anh và anh có ký tiền vào 2 tờ biên nhận vay tiền là người bảo Lãnh.

Anh Vũ E cho rằng là anh bảo lãnh biết nhà chị Q. không bảo lãnh việc chị Q không trả tiền thì anh sẽ trả tiền cho chị Á. Lời trình bày của anh Vũ E thì chị Á không đồng ý, nếu anh Vũ E không bảo lãnh thì chị Á không cho chị Q vay tiền. Chị Á xác định anh Vũ E bảo lãnh trả tiền khi chị Q không trả. Xét thấy anh Vũ E không cung cấp chứng cứ nào khác chứng minh là anh không bảo lãnh trả nợ thay cho chị Q. Do đó lời trình bày của anh Vũ E là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[6]Về án phí dân sự sơ thẩm:Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của chị Phan Thị Á được chấp nhận.

- Buộc chị Nguyễn Thị Q nộp án phí số tiền 15.498.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

- Hoàn trả cho chị Phan Thị Á số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000344 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 92, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 335, 336, 339, 340, 342, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Á

- Buộc chị Nguyễn Thị Q trả cho chị Phan Thị Á số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi 9.960.000 đồng (chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng 309.960.000 đồng (ba trăm lẻ chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) là hoàn tất.

- Trường hợp chị Nguyễn Thị Q không trả nợ cho chị Phan Thị Á thì buộc anh Nguyễn Văn Vũ E trả cho chị Phan Thị Á số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm

triệu đồng) và tiền lãi 9.960.000 đồng (chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng 309.960.000 đồng (ba trăm lẻ chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) là hoàn tất.

Dành riêng cho anh Nguyễn Văn Vũ E 1 vụ kiện dân sự khác khi anh Nguyễn Văn Vũ E thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Á xong và anh Vũ E có quyền yêu cầu chị Nguyễn Thị Q trả lại cho anh số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi 9.960.000 đồng. Tổng cộng 309.960.000 đồng (ba trăm lẻ chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Thị Q nộp án phí số 15.498.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

- Hoàn trả cho chị Phan Thị Á số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000344 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Án xử công khai có mặt chị Phan Thị Á và chị Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Văn Vũ E được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSNDH Bình Tân;
- THADSH Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký )**

**PHẠM THÀNH TỰU**